

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-PT
Ngày 23-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Bà Trần Thị Vân Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2020/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 219/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chị A, nơi cư trú: Thôn 6, xã E, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn Anh Phạm Văn B, nơi cư trú: Thôn 3, xã F, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Anh Phạm Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là chị Chị A trình bày:

Chị A kết hôn với anh Phạm Văn B từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà ở tại xã E, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và do anh Phạm Văn B không trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12 năm 2019 nên chị và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 6, xã E, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Chị A khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn B không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn B.

Chị A và anh B có 02 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Phạm Tuấn D, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, chị là người trực tiếp nuôi hai con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con và yêu cầu anh Phạm Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn giấy AURORA với mức thu nhập trung bình một tháng là 6.500.000 đồng.

Chị và anh B không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn B là bị đơn, trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:

Anh B thống nhất với lời khai của chị A về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị A.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Phạm Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề lái xe taxi với mức thu nhập trung bình một tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 219/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Cho chị Chị A được ly hôn anh Phạm Văn B.

Giao hai con chung tên Phạm Bảo C, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Phạm Tuấn D, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2017 cho chị Chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho con chung tên Phạm Bảo C và 2.000.000 đồng cho con chung tên Phạm Tuấn D kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, anh Phạm Văn B kháng cáo. Lý do kháng cáo: Anh vẫn còn tình cảm với chị A và anh không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh B trình bày: Anh B không biết lý do chị A bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2019. Vợ chồng đã nhiều lần gặp nhau nói chuyện trong thời gian ly thân nhưng chị A vẫn không đồng ý đoàn tụ. Bản thân còn tình cảm với chị A nên không muốn ly hôn và nếu ly hôn yêu cầu giao hai con chung cho anh B nuôi, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của anh B và chị A phù hợp với lời khai của đại diện gia đình và tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2019 đến nay chị A không muốn quay lại chung sống với anh B. Vì vậy tòa án cấp sơ thẩm cho chị A được ly hôn anh B là có căn cứ.

Về con chung: Cháu Phạm Tuấn D còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Cháu Phạm Bảo C có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ, bên cạnh đó anh B làm nghề lái xe taxi, mặc dù có thu nhập ổn định nhưng do đặc thù công việc nên thời gian chăm sóc các con không đảm bảo. Từ khi ly thân, hai con chung được chị A chăm sóc chu đáo...vì vậy cấp sơ thẩm giải quyết về con chung là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về sự vắng mặt của chị A nhưng có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

- Xét kháng cáo của anh Phạm Văn B:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B thừa nhận anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay và mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bản thân anh B đã nhiều lần nói chuyện với chị A để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị A vẫn đòi ly hôn. Tuy nhiên anh B không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị A và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh B khai không biết lý do chị A bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2019 đến nay là nguyên nhân gì. Cho thấy, giữa anh B và chị A không có sự chia sẻ, cảm thông để gắn kết một gia đình. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân đến nay là một khoảng thời gian dài đủ để vợ chồng cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị A vẫn khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh B và tại cấp phúc thẩm, chị A có yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy là chị A thực sự không muốn đoàn tụ với anh B. Xuất phát từ thực tế cho thấy hôn nhân hạnh phúc là phải xuất phát từ tình cảm yêu thương của cả vợ và chồng. Từ những chứng cứ như trên, có thể thấy mục đích của hôn nhân giữa chị A và anh B không đạt được nên tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy hai con chung của chị A và anh B đang ở cùng với chị A từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân vẫn ổn định, và các cháu được đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác, tại thời điểm cấp sơ thẩm giải quyết đơn của chị A thì con chung tên Phạm Tuấn D chưa đủ 36 tháng tuổi, con chung

tên Phạm Bảo C có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Anh B làm nghề lái taxi, thường xuyên đi làm không theo giờ cố định. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Nghiên cứu các tài liệu chứng cứ thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con vẫn được đảm bảo tốt về mọi mặt. Chị A có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao hai con chung của vợ chồng cho chị A trực tiếp nuôi và quyết định anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp thực tế và đúng luật.

[4] Từ căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn B.

[5] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Phạm Văn B phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào **Điều 26, Điều 27, Điều 29** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn B.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 219/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A được ly hôn anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Bảo C, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Phạm Tuấn D, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2017 cho chị A

trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Phạm Bảo C 2.000.000 đồng và cho con Phạm Tuấn D 2.000.000 đồng mỗi tháng, kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002153 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Anh Phạm Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

5. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Phạm Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002452 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

